

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/3/2019

*“V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Quốc Bảo.**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Vũ Xuân Thụ; 2/ Ông Võ Ánh Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu; chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 341/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2018 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn 7b, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2/ Bị đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn 7b, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:** Bà với ông Lê Văn Q chung sống và đăng ký kết hôn ngày 04/3/1995 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày một trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Q không có trách nhiệm với vợ con và hay bạo hành gia đình. Cụ thể, vào tháng 11/2018 ông Q đến quán ăn của bà T cùng với bà Trần Thị K làm chủ quán, do vợ chồng mâu thuẫn nên ông Q đã đập phá quán ăn, đập phá hơn 80 tô chén để kinh doanh quán ăn. Sau này, Công an xã EaHiao,

huyện EaH'Leo giải quyết, ông Q đã nhận sai và bồi thường toàn bộ thiệt hại. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với ông Lê Văn Q.

Bà với ông Lê Văn Q có 02 con chung, cháu **Lê Minh H**, sinh ngày 07/12/2002 và cháu **Lê Minh Q**, sinh ngày 10/10/1995. Các con chung phát triển bình thường, hiện tại cháu H chưa đủ 18 tuổi. Bà nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung nhưng không đề nghị giải quyết.

*** Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, ông đồng ý với lời khai của bà T. Tại bản tự khai ngày 17/12/2018, ông đồng ý ly hôn, về sau ông không đồng ý ly hôn, với lý do nếu ly hôn bà T sẽ bỏ đi và không ai cùng với ông để quản lý những tài sản chung của ông với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông Q không đồng ý giao cháu **Lê Minh H**, sinh ngày 07/12/2002 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu Lê Minh H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn Q; Giao cháu **Lê Minh H** cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Mặc dù được giao nhận hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Văn Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi dưỡng con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn Q đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày một trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Q không có trách nhiệm với vợ con và hay bạo hành gia đình.

Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra và ngày một trầm trọng từ tháng 02/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định do bà T với ông Lê Văn Q không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu giải quyết ly hôn, lúc đầu ông Q đồng ý, về sau không đồng ý ly hôn và đưa ra lý do không hợp pháp. Thực tế mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và đã sống ly thân nhưng các bên không thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Do vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Q là có căn cứ nên chấp nhận.

[2] Về nuôi dưỡng con chung: Bà T với ông Lê Văn Q có 02 con chung, các con phát triển bình thường và hiện tại cháu Lê Minh H chưa đủ 18 tuổi. Nguyên vọng, bà T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Xét thấy, nguyện vọng của bà T là có căn cứ nên chấp nhận. Bởi lẽ, nguyện vọng của bà T phù hợp với ý kiến của cháu Lê Minh H nên giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Bà T không yêu cầu ông Lê Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà T và không trái pháp luật, do vậy ông Lê Văn Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn Q.

Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu **Lê Minh H**, sinh ngày 07/12/2002 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và ông Lê Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu Lê Minh H đủ 18 tuổi.

Ông Lê Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lê Minh H mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008904 ngày 29/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaH'Leo;
- Chi cục THADS huyện EaH'Leo;
- Đương sự;
- ;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Bảo